

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Số:

Hôm nay, ngày/...../....., tại, các Bên gồm:

- **BÊN A: Công ty**.....
 - Địa chỉ trụ sở:
 - ĐKKD/Giấy chứng nhận đầu tư số:do Sở KH&ĐT.....cấp lần đầu ngày/...../....., *đăng ký bổ sung lần.....vào ngày...../...../.....(ghi lần đăng ký bổ sung mới nhất, nếu chưa đăng ký bổ sung lần nào thì bỏ nội dung này).*
 - Điện thoại: Fax:
 - Đại diện bởi: Ông/Bà..... - Chức vụ:
- Sau đây gọi là **Doanh nghiệp***
- **BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBank) – SỞ GIAO DỊCH/CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH**
 - Địa chỉ trụ sở:
 - Điện thoại: Fax:
 - Đại diện: Ông/bà..... Chức vụ:.....
- theo Văn bản ủy quyền số ngày/...../..... của

*Sau đây gọi là **Ngân hàng***

(Doanh nghiệp và Ngân hàng dưới đây được gọi chung là “Các Bên”)

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (“Hợp đồng”) này với các điều kiện, điều khoản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Thẻ tín dụng quốc tế/Thẻ tín dụng/Thẻ:** Là Thẻ tín dụng MasterCard do Ngân hàng phát hành cho Doanh nghiệp theo đề nghị của Doanh nghiệp tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng doanh nghiệp) ngày tháng năm (Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế) cho phép Chủ thẻ thực hiện các giao dịch Thẻ trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp theo thỏa thuận với Ngân hàng tại Hợp đồng này. Thẻ được hiểu bao gồm cả Thẻ chính và/hoặc Thẻ phụ.
2. **Chủ thẻ chính:** Là Doanh nghiệp nêu tại phần mở đầu của Hợp đồng này. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh và tất cả trách nhiệm liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Người sử dụng thẻ chính và các Chủ thẻ phụ.
3. **Người sử dụng Thẻ chính:** Là Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp hoặc Người khác được Doanh nghiệp ủy quyền hợp lệ.
4. **Chủ thẻ phụ:** Là cá nhân được Doanh nghiệp cho phép sử dụng Thẻ phụ theo Hợp đồng này. Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ phụ với Doanh nghiệp.

5. **Chủ thẻ:** Bao gồm Chủ thẻ chính, Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
6. **Hạn mức tín dụng Thẻ:** Là dư nợ tối đa được duy trì trong thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ như quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng này.
7. **Thời hạn sử dụng Thẻ:** Là khoảng thời gian mà Thẻ có thể được sử dụng theo quy định của Ngân hàng.
8. **Hạn mức rút tiền mặt trong ngày:** Là tổng số tiền tối đa mà Chủ thẻ được phép rút tại các ATM/điểm rút tiền mặt khác do VPBank phát triển từng thời kỳ trong một (01) ngày. Hạn mức rút tiền mặt trong ngày thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.
9. **Hạn mức rút tiền mặt/lần:** Là tổng số tiền tối đa mà Chủ thẻ được phép rút tại các ATM/ điểm rút tiền mặt khác do VPBank phát triển từng thời kỳ trong một (01) lần. Hạn mức rút tiền mặt/lần thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.
10. **Hạn mức sử dụng từng Thẻ:** Là mức dư nợ vay tối đa của từng Thẻ mà Doanh nghiệp cho phép Người sử dụng Thẻ chính/các Chủ thẻ phụ sử dụng theo thỏa thuận giữa Doanh nghiệp với Ngân hàng.
11. **Sao kê:** Là bảng kê chi tiết các khoản chi tiêu, hoàn trả, trả nợ của Doanh nghiệp cùng lãi và phí phát sinh trong Kỳ sao kê do Ngân hàng cung cấp cho Doanh nghiệp.
12. **Ngày sao kê:** Là ngày Ngân hàng lập sao kê.
13. **Kỳ sao kê:** Là khoảng thời gian giữa hai Ngày sao kê liên tiếp.
14. **Ngày đến hạn thanh toán:** Là ngày cuối cùng mà Doanh nghiệp phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản chi tiêu cùng lãi và phí phát sinh trong Kỳ sao kê ít nhất số tiền thanh toán bằng Trị giá thanh toán tối thiểu trên Sao kê. Trường hợp Ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ/lễ, Ngày đến hạn thanh toán được tính vào ngày làm việc tiếp theo.
15. **Trị giá thanh toán tối thiểu:** Là số tiền tối thiểu mà Doanh nghiệp phải thanh toán cho VPBank sau mỗi kỳ sao kê để không bị chịu các khoản phí và lãi do chậm thanh toán. Trị giá thanh toán tối thiểu được tính bằng 40% số dư cuối kỳ sao kê cộng (+) trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước chưa trả. Tỷ lệ để xác định Trị giá thanh toán tối thiểu nói trên có thể được thay đổi theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
16. **VND:** Là đồng tiền hợp pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
17. **Tổ chức thẻ quốc tế/TCTQT:** Là Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.
18. **ĐVCNT:** Là tổ chức/cá nhân cung ứng hàng hóa, dịch vụ chấp nhận Thẻ làm phương tiện thanh toán.
19. **Ngày làm việc:** Có nghĩa là bất kỳ ngày nào, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định của Ngân hàng.

Điều 2. Hạn mức tín dụng Thẻ, Mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ và phương thức cho vay

1. Hạn mức tín dụng Thẻ:

- a) Ngân hàng đồng ý cấp cho Doanh nghiệp tổng Hạn mức tín dụng Thẻ là:VND (Bằng chữ:.....).

- b) Tổng Hạn mức tín dụng Thẻ này được tính vào hạn mức cho vay tối đa của Ngân hàng đối với Doanh nghiệp. Hạn mức sử dụng từng Thẻ của Chủ thẻ Chính và các Chủ thẻ phụ không vượt quá tổng Hạn mức tín dụng Thẻ nêu trên.
- c) Hạn mức sử dụng của từng Chủ thẻ phụ được ghi nhận cụ thể tại Giấy đề nghị phát hành Thẻ phụ được Ngân hàng chấp thuận. Người sử dụng thẻ chính có quyền sử dụng Thẻ trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ còn lại của Doanh nghiệp sau khi trừ đi Hạn mức sử dụng của các Chủ thẻ phụ.
- 2. Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ:**
- a) Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ.....(bằng chữ:.....), tính kể từ ngày...../...../.....
- b) Khi hết Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, Ngân hàng có thể xem xét, đánh giá lại để tái cấp Hạn mức tín dụng Thẻ cho Doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Ngân hàng. Doanh nghiệp có thể sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ để giao dịch đến ngày cuối cùng của Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp.
- c) Trong Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, nếu Doanh nghiệp muốn thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ (tăng/giảm hạn mức), Khách hàng có thể gửi đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ tới Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng để Ngân hàng xem xét thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ cho Doanh nghiệp. Ngân hàng có toàn quyền xem xét, quyết định mức tăng/giảm Hạn mức tín dụng Thẻ cho Khách hàng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.
- 3. Mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ:**
- a) Mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ:
- b) Doanh nghiệp có trách nhiệm sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ của mình.
- 4. Phương thức cho vay:** Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng.

Điều 3. Thời hạn sử dụng Thẻ

1. Thời hạn sử dụng Thẻ là 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành. Thời hạn sử dụng Thẻ cụ thể được dập nổi trên mặt trước của Thẻ. Hết thời hạn sử dụng Thẻ, nếu còn nhu cầu sử dụng, Doanh nghiệp thực hiện thủ tục gia hạn để Ngân hàng xem xét.
2. Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ đã hết hạn hay Thẻ cũ (đã được phát hành Thẻ thay thế). Doanh nghiệp phải trả lại ngay lập tức Thẻ cũ cho Ngân hàng khi Thẻ thay thế đã được phát hành.

Điều 4. Lãi suất và các loại phí /phạt

1. Quy định về lãi suất

- a) Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ.
- b) Thời điểm tính lãi:
- Đối với các giao dịch ứng/rút tiền mặt: Giao dịch được tính lãi từ ngày giao dịch đến ngày Chủ thẻ thanh toán giá trị giao dịch.
 - Đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:
Vào hoặc trước Ngày đến hạn thanh toán, nếu Doanh nghiệp thanh toán Toàn bộ Dư nợ cuối Kỳ sao kê (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ,

lãi, phí, phạt của Kỳ sao kê đó), Ngân hàng sẽ ưu đãi miễn lãi đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong Kỳ sao kê đó.

Nếu Doanh nghiệp không thanh toán Toàn bộ dư nợ cuối Kỳ sao kê (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, lãi, phí, phạt của Kỳ sao kê đó) hoặc thanh toán nợ sau Ngày đến hạn thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối Kỳ sao kê thì giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ của Doanh nghiệp sẽ được Ngân hàng tính lãi từ ngày giao dịch đến ngày Doanh nghiệp thanh toán giá trị giao dịch.

- Các giao dịch có tra soát: Tiền lãi đối với các giao dịch có tra soát được tính theo nguyên tắc của giao dịch ứng/rút tiền mặt và giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm này. Ngân hàng sẽ hoàn lại lãi đối với những giao dịch có tra soát, khiếu nại đúng.

c) Lãi suất quá hạn và phạt chậm trả:

- Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Doanh nghiệp không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (sau khi đã trừ đi Trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính lãi theo mức lãi cho vay trong hạn đang áp dụng.
- Sau 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà Doanh nghiệp không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của Doanh nghiệp sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng.
- Ngoài khoản lãi quá hạn, Doanh nghiệp phải thanh toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2. **Các loại phí, mức phí sử dụng Thẻ:** Các loại phí và mức phí, thời hạn và phương thức thanh toán phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ được áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời kỳ và được thông báo trên trang thông tin điện tử (www.vpb.com.vn) hoặc bằng các hình thức khác mà Ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn SMS, qua email...).

Điều 5. Biện pháp Bảo đảm

1. Để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Hợp đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
 - a) Thẻ chấp bằng.....(ghi tên tài sản), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của.....(ghi tên Chủ tài sản), theosố.....do.....cấp ngày....., Hợp đồng thẻ chấp số.....ngày.....; và các phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này.
 - b) Cầm cố bằng.....(ghi tên tài sản), thuộc quyền sở hữu/sử dụng của.....(ghi tên Chủ tài sản), theosố.....do.....cấp ngày....., Hợp đồng cầm cố số.....ngày.....; và các phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này.
 - c) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Doanh nghiệp và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các văn bản giao dịch bảo đảm ký giữa Ngân hàng, Doanh nghiệp và các Bên liên quan (nếu có).

Điều 6. Sao kê và thanh toán

1. Hàng tháng, Bên Ngân hàng sẽ gửi Sao kê cho Doanh nghiệp, liệt kê đầy đủ, chi tiết các khoản dư nợ đầu kỳ, nợ phát sinh trong kỳ, các khoản đã hoàn trả của Doanh nghiệp cùng lãi và phí phát sinh... đã

được chuyển đổi trị giá sang VND (theo tỷ giá do Tổ chức thẻ quốc tế quy định hoặc theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng). Trong trường hợp này, Ngân hàng sẽ thu phí chuyển đổi ngoại tệ (được quy định bởi TCTQT) và chi phí chênh lệch tỷ giá trên các giao dịch ngoại tệ.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Bên Ngân hàng toàn bộ các khoản nợ, phí, lãi phát sinh thể hiện trên Sao kê theo quy định.
3. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Ngân hàng mà Doanh nghiệp không nhận được sao kê hàng tháng, Doanh nghiệp vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ, đồng thời thông báo cho Ngân hàng để kiểm tra lại nguyên nhân.
4. Doanh nghiệp phải thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản các thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch Thẻ trong vòng 07 ngày kể từ Ngày sao kê. Sau thời hạn này, nếu Ngân hàng không nhận được các khiếu nại thì coi như Doanh nghiệp đồng ý với tất cả các giao dịch, lãi và phí, phạt... phát sinh thể hiện trên Sao kê.
5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ Ngày sao kê, Doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán cho Ngân hàng mức tối thiểu bằng Trị giá thanh toán tối thiểu do Ngân hàng quy định. Thời hạn này có thể thay đổi theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.
6. Cách thức thanh toán: Doanh nghiệp có thể thanh toán các nghĩa vụ phát sinh trên Sao kê bằng một trong các phương thức sau tùy theo đăng ký của Khách hàng: (i) thanh toán bằng tiền mặt tại Ngân hàng; (ii) Đề nghị Ngân hàng tự động trích nợ tài khoản thanh toán; (iii) Chuyển khoản trong nội bộ VPBank hoặc thanh toán liên ngân hàng. Doanh nghiệp được phép thanh toán số dư nợ trước hạn.
7. Thứ tự ưu tiên thanh toán: Phí thường niên, lãi quá hạn, lãi trong hạn, phí rút tiền mặt, các khoản phí khác, giá trị các giao dịch rút tiền mặt, tiền thanh toán các giao dịch hàng hóa, dịch vụ và theo thứ tự ngày các giao dịch này được cập nhật vào hệ thống. Thứ tự này có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng.

Điều 7. Phát hành lại Thẻ, từ chối chấp nhận Thẻ và thu hồi Thẻ

1. **Phát hành lại Thẻ:** Trường hợp Thẻ bị mất/bị đánh cắp, Thẻ hết hạn sử dụng Thẻ, thay đổi hạng Thẻ hoặc yêu cầu phát hành Thẻ mới thay thế thẻ cũ, thẻ hỏng, Doanh nghiệp có quyền đề nghị Bên Ngân hàng phát hành lại Thẻ.

Doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến phát hành lại Thẻ theo quy định của Ngân hàng.

2. **Từ chối chấp nhận Thẻ:** Thẻ sẽ bị từ chối thanh toán khi:

- a) Thẻ bị liệt kê trong danh sách Thẻ đen.
- b) Thẻ đã hết Thời hạn sử dụng Thẻ.
- c) Thẻ có liên quan đến giao dịch giả mạo.
- d) Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo mất và Ngân hàng đã xác nhận việc nhận được thông báo này.
- e) Chủ thẻ vi phạm Hợp đồng này và/hoặc các quy định của Ngân hàng về việc sử dụng Thẻ.
- f) Chủ thẻ vi phạm quy định thanh toán Thẻ của TCTQT và/hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- g) Các trường hợp khác theo quy định của VPBank, TCTQT và/hoặc của Pháp luật.

3. **Thu hồi Thẻ:** Thẻ sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a) Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen, thẻ giả, thẻ hết Thời hạn sử dụng Thẻ.

- b) Các trường hợp khác theo yêu cầu của VPBank, của TCTQT và của Pháp luật. Ngân hàng được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.

Điều 8. Tạm ngừng, chấm dứt sử dụng Thẻ

1. Tạm ngừng sử dụng Thẻ

Ngân hàng có quyền tạm thời khóa Thẻ của Doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu thể hiện trên Sao kê gần nhất sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên.
- b) Chủ thẻ đã chi vượt Hạn mức tín dụng Thẻ mà không được Ngân hàng cho phép.
- c) Doanh nghiệp/Chủ thẻ vi phạm các điều khoản thỏa thuận theo Hợp đồng này, các quy định của TCTQT và của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Thẻ.
- d) Thẻ, Chủ thẻ có liên quan đến những trường hợp giả mạo.
- e) Doanh nghiệp có yêu cầu tạm ngừng sử dụng Thẻ.
- f) Trường hợp khác theo quy định của Bên Ngân hàng.

2. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ

- a) Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi:
 - Sau 105 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên, nếu Doanh nghiệp không thanh toán đủ khoản Trị giá thanh toán tối thiểu được thể hiện trên Sao kê của kỳ gần nhất, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thực hiện xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.
 - Doanh nghiệp/Chủ thẻ vi phạm quy định về sử dụng thẻ của Ngân hàng, của TCTQT hoặc vi phạm quy định pháp luật về sử dụng Thẻ.
 - Doanh nghiệp/Chủ thẻ vi phạm các điều khoản áp dụng cho các khoản cấp tín dụng khác tại VPBank.
 - Ngân hàng phát hiện các tài liệu, thông tin do Doanh nghiệp/Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực và sai sự thật.
 - Các trường hợp liên quan đến giao dịch giả mạo và quản lý rủi ro.
 - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc TCTQT.
 - Các trường hợp Ngân hàng thấy cần thiết.
 - Các trường hợp khác theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.
 - b) Doanh nghiệp có thể yêu cầu VPBank chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi:
 - Thẻ chưa hết Thời hạn sử dụng Thẻ nhưng Doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng Thẻ và có yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ. Việc yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ phải được thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản theo mẫu của Ngân hàng. Đề nghị chấm dứt sử dụng thẻ của Doanh nghiệp chỉ được Ngân hàng chấp thuận sau khi Doanh nghiệp hoàn thành tất cả các nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.
 - Thẻ hết thời hạn hiệu lực mà Doanh nghiệp không có yêu cầu gia hạn Thẻ.
 - Thẻ bị mất cắp, thất lạc và Doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng thẻ.
- Việc chấm dứt sử dụng Thẻ của Doanh nghiệp chỉ có hiệu lực khi được Ngân hàng chấp thuận và Doanh nghiệp/Chủ thẻ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với Ngân hàng như sau:
- Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ, Doanh nghiệp phải thanh toán toàn bộ số dư nợ phát sinh, lãi,

phí, phạt... do việc sử dụng Thẻ.

- Doanh nghiệp gửi trả lại Thẻ đã cắt đôi cho Ngân hàng.
- 3. Việc tạm ngừng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ của Doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ của Doanh nghiệp trước và sau khi thẻ bị tạm ngừng hoặc chấm dứt. Tiền lãi và phí tiếp tục được tính cho đến khi tất cả số tiền nợ được thanh toán đầy đủ. Ngân hàng được miễn trách đối với bất kỳ sự phung hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu tạm ngừng/chấm dứt sử dụng Thẻ.

Điều 9. Thẻ chính và thẻ phụ

1. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu phát hành thêm tối đa hai mươi chín (29) Thẻ phụ cho người được mình ủy quyền sử dụng. Chủ thẻ phụ được sử dụng Thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng do Ngân hàng cấp cho từng Chủ thẻ phụ nêu tại Giấy đề nghị phát hành Thẻ phụ. Các Giấy đề nghị phát hành Thẻ phụ sẽ cấu thành một phần không tách rời của Hợp đồng này.
2. Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính để thanh toán. Chủ thẻ chính có thể xem được toàn bộ các giao dịch Thẻ được thực hiện bởi Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ. Tuy nhiên, Chủ thẻ phụ chỉ có thể xem được giao dịch Thẻ mà Chủ thẻ phụ thực hiện.
3. Chủ thẻ chính là người chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và (các) thẻ phụ và chịu trách nhiệm thanh toán cho NH dư nợ khi được yêu cầu.
4. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NH ngừng việc sử dụng (các) Thẻ phụ bằng văn bản mà không cần sự đồng ý của (các) Chủ thẻ phụ. Khi Chủ thẻ chính ngừng hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ thì đương nhiên Chủ thẻ phụ cũng sẽ ngừng hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ. Tuy nhiên việc ngừng hoặc chấm dứt thẻ phụ thì không làm ảnh hưởng gì đến thẻ chính.
5. Việc thay đổi thông tin về Chủ thẻ phụ, hạn mức sử dụng của thẻ (Thẻ chính và Thẻ phụ) sẽ được thực hiện thống nhất bởi Doanh nghiệp và theo quy định của VPBank.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp

1. Quyền của Doanh nghiệp

- a) Người sử dụng Thẻ chính/Chủ thẻ phụ được sử dụng Thẻ để thanh toán mua hàng hóa và dịch vụ tại các ĐVCNT, trên Internet và/hoặc rút tiền mặt tại các ATM và các điểm rút tiền mặt khác do Ngân hàng phát triển từng thời kỳ và các ATM/ điểm rút tiền mặt khác có biểu tượng của TCTQT do Ngân hàng phát triển từng thời kỳ và các dịch vụ khác do Ngân hàng cung cấp (nếu có) trong phạm vi Hạn mức sử dụng từng Thẻ và Thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ được cấp.
- b) Được tham gia và hưởng các chương trình ưu đãi dành cho Chủ thẻ của Ngân hàng và/hoặc các đối tác của Ngân hàng theo từng thời kỳ.
- c) Đề nghị Ngân hàng phát hành lại Thẻ, tạm ngừng/chấm dứt sử dụng Thẻ, gia hạn Thẻ, thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ theo quy định của Hợp đồng này và quy định của Ngân hàng.
- d) Yêu cầu tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ của Chủ thẻ. Các trường hợp tra soát, phương thức, chứng từ, thời gian gửi yêu cầu tra soát và các vấn đề liên quan theo quy định của Ngân hàng, của các TCTQT và của pháp luật tại từng thời điểm.
- e) Yêu cầu Ngân hàng tự động ghi nợ tài khoản thanh toán của Doanh nghiệp mở tại Ngân hàng theo đăng ký của Doanh nghiệp để thanh toán số dư nợ Sao kê.
- f) Hàng tháng, Doanh nghiệp có quyền nhận Sao kê của Ngân hàng.

g) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này, của Ngân hàng và của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Doanh nghiệp/Chủ thể

- a) Chủ thể có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng khi phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.
- b) Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo ngay cho Ngân hàng bằng văn bản những thay đổi về các thông tin đã đăng ký với Ngân hàng. Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì KH phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin; cam kết chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất.
- c) Người sử dụng Thẻ chính được trực tiếp nhận Thẻ/PIN của thẻ chính và thẻ phụ. Trong trường hợp Người sử dụng Thẻ chính không trực tiếp đến Ngân hàng để nhận Thẻ/PIN, Doanh nghiệp có thể ủy quyền cho Cán bộ nhân viên khác của Doanh nghiệp trực tiếp đến Ngân hàng nhận Thẻ/PIN của Thẻ chính, Thẻ phụ. Chủ thẻ phụ có thể trực tiếp đến Ngân hàng nhận Thẻ/PIN của Thẻ phụ. Người sử dụng Thẻ chính/ Chủ thẻ phụ/Người được ủy quyền nhận Thẻ/PIN phải tuân thủ quy định, thủ tục của Ngân hàng khi nhận Thẻ/PIN. Doanh nghiệp cũng có thể đề nghị Ngân hàng gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện. Trường hợp Doanh nghiệp đăng ký nhận Thẻ/PIN qua đường bưu điện, Ngân hàng sẽ gửi Thẻ/PIN bằng chuyển phát nhanh cho người nhận và theo địa chỉ được chỉ định trong Giấy đề nghị phát hành Thẻ Tín dụng Quốc tế và Doanh nghiệp phải chịu mọi rủi ro, chi phí có thể phát sinh và Ngân hàng được coi là đã giao cho Doanh nghiệp Thẻ/Pin kể từ thời điểm Ngân hàng gửi. Doanh nghiệp cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng đã giao Thẻ/PIN cho Doanh nghiệp theo một trong các cách thức nêu trên.
- d) Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ có nghĩa vụ ký chữ ký mẫu bằng bút bi vào ô chữ ký ở mặt sau của Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ. Khi thực hiện giao dịch, Chủ thẻ phải ký hóa đơn/chứng từ thanh toán giống chữ ký mẫu này trừ những giao dịch không yêu cầu chữ ký của Chủ thẻ.
- e) Doanh nghiệp có nghĩa vụ chấp thuận và sử dụng Thẻ trong Hạn mức tín dụng Thẻ và Thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ được Ngân hàng cấp theo Hợp đồng này trừ trường hợp Ngân hàng đồng ý cho Doanh nghiệp sử dụng vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ. Trong trường hợp Ngân hàng đồng ý cho Chủ thẻ sử dụng vượt quá hạn mức hoặc trường hợp Ngân hàng chứng minh được giao dịch đó phát sinh từ Thẻ của Chủ thẻ, Doanh nghiệp phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch phát sinh, ngoài ra phải trả phí và các khoản liên quan khác (nếu có) theo quy định của Ngân hàng khi sử dụng Thẻ quá hạn mức được cấp.
- f) Doanh nghiệp nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán của Chủ thẻ bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến các yếu tố cấm vận, tội phạm, khủng bố, tài trợ khủng bố, rửa tiền, đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan tại nước ngoài hoặc các lý do khác)
- g) Chủ thẻ chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật các thông tin liên quan đến Thẻ của mình, đặc biệt là PIN. Không được chuyển nhượng Thẻ cho người khác.
- h) Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch Thẻ phát sinh (bao gồm cả giao dịch có hoặc không có chữ ký, mã PIN hoặc có chữ ký khác với chữ ký của Chủ thẻ tại mặt

sau Thẻ) nếu Ngân hàng cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ của Chủ thẻ đã được sử dụng để thực hiện giao dịch.

- i) Chủ thẻ không được phép sử dụng Thẻ cho bất kỳ giao dịch hay mục đích bất hợp pháp nào. Chịu trách nhiệm với Ngân hàng và pháp luật về các hành vi gian lận, giả mạo thẻ của chủ thẻ và các giao dịch thẻ liên quan đến gian lận, giả mạo.
- j) Doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng số dư nợ sao kê theo Sao kê Ngân hàng lập và gửi cho Doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này. Chịu các khoản phạt, phí liên quan liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của Ngân hàng.
- k) Doanh nghiệp chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến giao dịch Thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán thể hiện trên Sao kê gửi cho Chủ thẻ.
- l) Chủ thẻ có trách nhiệm hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân hàng đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá Hạn mức tín dụng Thẻ, giao dịch ghi Có nhằm vào Tài khoản của Chủ thẻ và các giao dịch nhằm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Đồng ý để Ngân hàng tự động ghi Nợ các khoản tiền này mà không cần phải thông báo cho Doanh nghiệp.
- m) Khi thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc PIN bị lộ, Chủ thẻ phải báo ngay cho NH theo số ĐT (+844) 39 288 880 / 1900 545 415 hoặc chi nhánh gần nhất và ngay sau đó chính thức xác nhận thông báo này bằng văn bản cho NH. Trường hợp Thẻ bị lợi dụng do việc mất cắp, thất lạc, lộ PIN, các gian lận/giả mạo khác trước khi NH có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý về việc NH đã xử lý văn bản thông báo mất thẻ từ Chủ thẻ, Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các giao dịch của Thẻ do việc Thẻ bị lợi dụng gây ra.
- n) Chủ thẻ không được sử dụng thẻ đã thông báo mất, thất lạc và phải trả lại cho Ngân hàng Thẻ bị mất, thất lạc khi tìm lại được.
- o) Doanh nghiệp thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản phí phát sinh từ việc sử dụng Thẻ.
- p) Trường hợp rút tiền mặt, Doanh nghiệp cam kết sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép nhận giải ngân bằng tiền mặt;
- q) Doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm;
- r) Chủ thẻ có nghĩa vụ đăng ký chữ ký mẫu sử dụng trên các chứng từ giao dịch liên quan đến Thẻ được thực hiện trực tiếp tại Trụ sở Ngân hàng (Trụ sở NH được hiểu là Hội sở chính, Sở giao dịch, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng).
- s) Khi có nhu cầu mở lại Thẻ tạm thời bị khóa, Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp sẽ gọi điện đến Ngân hàng theo số 04.39388880 hoặc 1900545415 để Ngân hàng hỗ trợ mở khóa Thẻ cho Doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Ngân hàng.
- t) Chủ thẻ có các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này, văn bản thỏa thuận khác ký giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng, của TCTQT và các quy định liên quan của pháp luật và của Ngân hàng.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

- a) Được miễn trách trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin bị lỗi hoặc vì bất cứ lý do ngoài khả năng kiểm soát của Ngân hàng gây nên khiến cho Thẻ hoặc mã PIN của Chủ thẻ không thực hiện được giao dịch, bị tổn thất hoặc bất kỳ sự lợi dụng nào; hoặc các trường hợp Ngân hàng không gửi hoặc đã gửi nhưng Chủ thẻ không nhận được các tin nhắn, thông báo liên quan tới biến động số dư tài khoản Thẻ hoặc thông báo về các nội dung khác liên quan đến tài khoản của KH do lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, các lỗi kỹ thuật, sự cố của nhà cung cấp dịch vụ/của Ngân hàng hoặc vì bất kỳ lý do khách quan nào khác; các trường hợp khác do lỗi của Chủ thẻ gây ra.
- b) Được miễn trách đối với: (i) mọi thất lạc, mất cắp, sử dụng sai mục đích của Thẻ hoặc việc tiết lộ mã PIN của chủ thẻ; (ii) Mọi gian lận và hoặc giả mạo gây ra cho NH hoặc bất kỳ Đơn vị chấp nhận thẻ nào.
- c) Không chịu trách nhiệm về việc giao hàng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ. Ngân hàng không tham gia giải quyết các tranh chấp giữa Chủ thẻ và Đơn vị chấp nhận thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản Thẻ giá trị hàng hóa, dịch vụ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao hoặc được thực hiện hay không.
- d) Yêu cầu Doanh nghiệp thanh toán đầy đủ các khoản chi tiêu bằng thẻ và các khoản lãi, phí liên quan trong kỳ chậm nhất vào Ngày đến hạn thanh toán.
- e) Thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa bao gồm nhưng không giới hạn bởi gửi văn bản thông báo thu hồi nợ, gửi tin nhắn qua điện thoại, gọi điện trực tiếp và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ khi Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng này.
- f) Trường hợp Doanh nghiệp không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, NH được quyền thu nợ từ tài sản bảo đảm hay bất cứ tài sản nào khác của Doanh nghiệp mà không cần có chữ ký hoặc dấu xác nhận của Doanh nghiệp. Nếu Ngân hàng thu nợ từ tài khoản tiền gửi của Doanh nghiệp mở tại Ngân hàng để thanh toán các khoản nợ phát sinh thì tài khoản đó sẽ được áp dụng mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Trong trường hợp đó, Ngân hàng được miễn trách về việc thay đổi kỳ hạn tiền gửi của Doanh nghiệp. Trong trường hợp tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ, Ngân hàng sẽ thực hiện việc chuyển đổi tỷ giá do Ngân hàng công bố tại thời điểm chuyển đổi.
- g) Ngân hàng có thể thu thập và xác minh bất cứ thông tin nào liên quan đến Chủ thẻ từ bất cứ đơn vị nào mà Ngân hàng cảm thấy phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ chức tín dụng nào hoặc bất cứ tổ chức hay công ty nào khác được thành lập với mục đích đánh giá thứ hạng tín dụng cho các cá nhân, từ các nhân viên của Doanh nghiệp hoặc những nhân viên khác có liên quan và/hoặc NH hay tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc bất cứ nơi nào khác).
- h) Cung cấp cho các bên có thẩm quyền thông tin về Chủ thẻ, tài khoản giao dịch phục vụ cho việc tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của pháp luật.
- i) Chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ bằng việc huỷ hoặc thu hồi Thẻ nếu chủ thẻ vi phạm các điều kiện và điều khoản sử dụng Thẻ, sử dụng Thẻ giả mạo và/hoặc Thẻ bị nghi ngờ là giả mạo.
- j) Được miễn trách trong trường hợp khiếu nại, yêu cầu tra soát của Chủ thẻ không được Ngân hàng thanh toán/các tổ chức thẻ trong nước/quốc tế giải quyết theo quy định của các tổ chức này.
- k) Có quyền sử dụng các thông tin về Doanh nghiệp/Chủ thẻ và các khoản tín dụng của Doanh nghiệp/Chủ thẻ, bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Doanh nghiệp/Chủ thẻ cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký giữa Doanh nghiệp/Chủ thẻ và Ngân hàng để cung cấp cho

các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

- l) Được chủ động trích tài khoản của Doanh nghiệp trong các trường hợp sau: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ (ii) Bù trừ các nghĩa vụ của Doanh nghiệp tại Ngân hàng và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng.
- m) Thông báo về các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mãi của Ngân hàng và cảnh báo các rủi ro khi thực hiện giao dịch Thẻ và các thông báo khác phục vụ cho việc sử dụng Thẻ tới Chủ thẻ theo các cách thức mà Ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn, email...)
- n) NH có các quyền khác theo Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng.

2. Nghĩa vụ của ngân hàng

- a) Tôn trọng các quyền và lợi ích của Chủ thẻ theo Hợp đồng này.
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật, của TCTQT về phát hành và thanh toán Thẻ.
- c) Bảo mật các thông tin liên quan đến Chủ thẻ trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.
- d) Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế.
- e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quy định của Ngân hàng và các điều khoản sửa đổi, bổ sung

1. Ngân hàng thông báo cho Doanh nghiệp thông tin về các đặc điểm, tính năng của Thẻ; các quy định về sản phẩm, chương trình liên quan tới Thẻ áp dụng đối với Doanh nghiệp; các thông báo khác liên quan tới việc sử dụng Thẻ của Doanh nghiệp và Các sửa đổi, bổ sung liên quan tới Hợp đồng này (nếu có) tới Doanh nghiệp bằng một trong các hình thức sau: bằng văn bản, qua email, SMS hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (website: www.vpb.com.vn) hoặc theo cách thức khác mà Ngân hàng cho là phù hợp.
2. Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng chương trình, sản phẩm, thể lệ, ưu đãi... liên quan tới Thẻ đối với Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có trách nhiệm đọc, hiểu rõ thông tin về các đặc điểm, tính năng của Thẻ và các quy định về sản phẩm, chương trình, thể lệ, ưu đãi... liên quan tới Thẻ áp dụng đối với Doanh nghiệp.
3. Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Doanh nghiệp cam kết tuân thủ và chịu sự ràng buộc bởi các quy định của Ngân hàng về phát hành và sử dụng Thẻ và các chương trình, sản phẩm mà Ngân hàng áp dụng cho Khách hàng. Đối với các sửa đổi, bổ sung mà Ngân hàng thông báo, Doanh nghiệp được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Ngân hàng nếu Doanh nghiệp tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời điểm Ngân hàng thông báo.

Điều 13. Gia hạn và chấm dứt Hợp đồng

1. Gia hạn Hợp đồng:

Trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ, Doanh nghiệp phải gửi Giấy đề nghị gia hạn hợp đồng theo mẫu quy định cho Ngân hàng trong thời hạn 30 ngày làm việc trước ngày hết Thời hạn sử dụng Thẻ.

2. Chấm dứt hợp đồng:

- a) Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng:

- Các Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng: mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn với điều kiện phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 30 Ngày làm việc. Trong trường hợp Doanh nghiệp/Chủ thẻ vi phạm các điều kiện, điều khoản Hợp đồng, hoặc có các hành vi gian lận, giả mạo liên quan đến việc sử dụng Thẻ, Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không cần thông báo trước cho Doanh nghiệp.
 - Chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận của hai Bên
 - Các trường hợp chấm dứt sử dụng Thẻ.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trách nhiệm thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng:
 Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, Doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ còn lại và các nghĩa vụ tài chính khác cho Ngân hàng.

Điều 14. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

1. Hợp đồng này được thiết lập và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và các quy định của TCTQT.
2. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào trong Hợp đồng này hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Hợp đồng này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không thể cưỡng chế thi hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều khoản hay điều kiện đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện, các phần hoặc các khoản mục khác của Hợp đồng này.
3. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, nếu không xử lý được bằng thương lượng, các Bên có quyền xử lý theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khởi kiện ra Tòa án nhân dân nơi thực hiện Hợp đồng này để giải quyết. Các Bên thống nhất rằng nơi thực hiện Hợp đồng này (nơi ký kết Hợp đồng, giải ngân tiền vay...) là nơi có địa điểm của Ngân hàng nêu tại phần đầu của Hợp đồng. Trường hợp Ngân hàng khởi kiện Doanh nghiệp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Doanh nghiệp là địa chỉ ghi tại phần đầu của Hợp đồng này. Nếu Doanh nghiệp thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Doanh nghiệp cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Doanh nghiệp chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Doanh nghiệp, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Doanh nghiệp.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi Các Bên đã thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này và các văn bản liên quan.
2. Những nội dung nào chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ thực hiện theo các quy định khác của VPBank và của pháp luật có liên quan.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế; (các) Giấy đề nghị phát hành thẻ phụ tạo thành một phần không tách rời của Hợp đồng.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU MB02.QĐi-THE/16

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

1. **Trường hợp áp dụng:** Mẫu số **MB02.QĐi-THE/16** được sử dụng cho trường hợp VPBank phát hành Thẻ tín dụng quốc tế Master Card dành Khách hàng là doanh nghiệp.

2. Lưu ý:

- Trước khi in Hợp đồng để ký kết với Khách hàng, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần hướng dẫn.
- Trường hợp phải thực hiện chỉnh sửa mẫu Hợp đồng, Đơn vị thực hiện theo quy định nội bộ của VPBank từng thời kỳ về sửa mẫu Hợp đồng. Lưu ý khi chỉnh sửa, cắt bỏ, thêm bớt điều khoản nào của Hợp đồng, thì phải kiểm tra xem điều khoản đó có dẫn chiếu tới hoặc được dẫn chiếu tới/bởi điều khoản nào khác của Hợp đồng không để chỉnh sửa cho phù hợp.

II. PHẦN CÁC BÊN CỦA HỢP ĐỒNG

1. Đơn vị hoàn thiện các thông tin về Bên A, Bên B vào các phần để trống tương ứng tại phần đầu Hợp đồng.

III. PHẦN NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Điều 2. Hạn mức tín dụng Thẻ và mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ

Đơn vị lưu ý điền số tiền hạn mức tối đa, thời hạn của hạn mức, mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ và vào các phần để trống tương ứng trong Điều 2 trên cơ sở nghị quyết phê duyệt đối với việc phát hành Thẻ của Khách hàng.

Trường hợp KH được cấp hạn mức tín dụng Thẻ theo chương trình phê duyệt trước dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện tại của VPBank hoặc KH đã được cấp Hạn mức tín dụng và Hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị thuộc Hạn mức tín dụng đã cấp, Đơn vị lưu ý bổ sung thêm một số nội dung:

- Bổ sung sau điểm a, khoản 1 Điều 2 nội dung: *“Các Bên thống nhất rằng, hạn mức tín dụng Thẻ này là một phần của Hạn mức tín dụng đã được Ngân hàng cấp cho Doanh nghiệp theo Hợp đồng cấp hạn mứcsố.....ký ngày.../.../.....giữa Ngân hàng và Doanh nghiệp (“ Sau đây gọi chung là Hợp đồng hạn mức”);*
- Bổ sung sau điểm a, khoản 2, Điều 2: *Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ trên không vượt quá thời hạn còn lại của Hạn mức tín dụng đã được cấp theo Hợp đồng hạn mức;*
- Ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ tại điểm a, khoản 3 Điều 2 như sau: *Mục đích sử dụng vốn vay thông qua việc phát hành Thẻ phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay theo quy định tại Hợp đồng hạn mức.*

2. Điều 5. Biện pháp bảo đảm

Đơn vị ghi nhận đầy đủ thông tin về Tài sản bảo đảm cho khoản vay thông qua việc phát hành Thẻ tín dụng vào các nội dung để trống tương ứng trong Điều này.

3. Điều 15. Điều khoản thi hành

Trường hợp KH được cấp hạn mức tín dụng Thẻ theo chương trình phê duyệt trước dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện tại của VPBank hoặc KH đã được cấp Hạn mức tín dụng và Hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị thuộc Hạn mức tín dụng đã cấp, Đơn vị lưu ý sửa toàn bộ khoản 2 Điều 15 thành: *“Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng cấp hạn mứcsố.....ký ngày.../.../.....giữa Ngân hàng và Doanh nghiệp. Những nội dung*

nào chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các văn bản khác ký kết giữa các Bên và thực hiện theo các quy định có liên quan của VPBank và của pháp luật”

4. Các điều, khoản khác

Hạn chế sửa đổi, thêm, bớt nội dung ở các điều khoản còn lại của Hợp đồng. Trường hợp xét thấy cần chỉnh sửa hoặc Khách hàng yêu cầu chỉnh sửa nội dung Hợp đồng này, Đơn vị trình cấp có thẩm quyền (từ Giám đốc Chi nhánh/Giám đốc vùng/Giám đốc Trung tâm Khách hàng SME/CMB/CIB trở lên) xem xét, quyết định với điều kiện việc sửa đổi này không trái với nghị quyết/quyết định phê duyệt của cấp phê duyệt và không trái với quy định nội bộ của VPBank.

5. Về thẩm quyền ký Hợp đồng

Đối với các trường hợp Hạn mức tín dụng cấp cho Khách hàng từ 2 tỷ đồng trở lên, Đơn vị lưu ý thẩm quyền ký tại phần đại diện hợp pháp của Ngân hàng để tránh vi phạm quy định của Ngân hàng Nhà nước về phạm vi hoạt động của Phòng Giao dịch (Phòng Giao dịch không được cấp tín dụng cho một khách hàng vượt quá hai (02) tỷ đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trừ trường hợp khoản cấp tín dụng được đảm bảo toàn bộ bằng tiền, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do chính ngân hàng thương mại phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc nhà nước)